

BIỆN PHÁP THƯỜNG PHẠT QUAN LẠI Ở NAM BỘ DƯỚI THỜI VUA GIA LONG VÀ MINH MẠNG (TÌM HIỂU QUA ĐẠI NAM THỰC LỤC)

LƯU VĂN QUYẾT*

Vùng đất Nam Bộ có vị trí đặc biệt quan trọng đối với nhà Nguyễn trong công cuộc thiết lập vương triều cũng như bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Nhưng tại đây, chính quyền nhà Nguyễn thường xuyên phải đối phó với nạn ngoại xâm và những bất ổn về chính trị. Vì vậy, dưới thời nhà Nguyễn nói chung, dưới thời Gia Long và Minh Mạng nói riêng, triều đình đã thực hiện nhiều chính sách đãi ngộ riêng và áp dụng linh hoạt các biện pháp thưởng phạt đối với đội ngũ quan lại ở đây. Điều đó đã giúp Gia Long và Minh Mạng có được đội ngũ quan lại tận tâm, giàu năng lực phục vụ cho triều đình, bảo vệ vững chắc chủ quyền ở vùng đất phương Nam xa xôi.

Từ khóa: Gia Long, Minh Mạng, thưởng phạt quan lại, Nam Bộ, Đại Nam thực lục

Nhận bài ngày: 31/5/2018; đưa vào biên tập: 2/6/2018; phản biện: 5/6/2018; duyệt đăng: 4/9/2018

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào, việc chính trị thành công hay thất bại phần lớn đều do cách dùng người. Chính quyền muốn có được những vị quan thanh liêm, tài giỏi cần phải có hệ thống chính sách đồng bộ, toàn diện

từ khâu tuyển chọn đến bổ nhiệm, sử dụng, đồng thời cần có chính sách thưởng phạt nghiêm minh. Sau khi lên ngôi, vua Gia Long rất chú trọng thiết lập một bộ máy quan lại để kiểm soát tình hình chính trị, khôi phục lại trật tự xã hội trên cơ sở đất nước thống nhất.

Nam Bộ có vị thế cực kỳ quan trọng đối với việc củng cố nền độc lập, tự chủ và thống nhất quốc gia. So với nhiều vùng đất khác trong cả nước,

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Nam Bộ là vùng đất xuất hiện muộn nhất trên bản đồ Việt Nam.

Trong các thế kỷ cai trị của các chúa Nguyễn và triều Nguyễn (từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX), cùng với quá trình khẩn hoang, xác lập chủ quyền, sự khởi sắc của các hoạt động thương mại đã tạo ra một diện mạo mới cho Nam Bộ. Vùng đất này nhanh chóng trở thành một khu vực kinh tế phát triển năng động nhất trong cả nước, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của dân tộc trong lịch sử. Tuy nhiên, do điều kiện lịch sử và vị trí địa lý, lúc bấy giờ ở Nam Bộ thường xuyên có những bất ổn về chính trị, như: những cuộc xâm lược của Xiêm La, tranh chấp trong triều đình Chân Lạp, cuộc khởi binh Lê Văn Khôi... Nhu cầu tiếp tục quá trình khẩn hoang, phát triển kinh tế, ổn định xã hội sau cuộc nội chiến với nhà Tây Sơn,... đã đặt ra yêu cầu riêng về tuyển chọn và sử dụng quan lại ở đây; đó phải là những người có tài thao lược, hiểu biết, năng động, sáng tạo để có thể thay vua giải quyết công việc ở vùng đất phương Nam giàu tiềm năng.

Trong phạm vi bài viết này, thông qua bộ *Đại Nam thực lục*, chúng tôi tập trung làm sáng tỏ một số biện pháp thường phạt mà vua Gia Long và Minh Mạng đã áp dụng đối với đội ngũ quan lại ở vùng đất Nam Bộ. Qua đó có thể tiếp thu được nhiều điều bổ ích cho công cuộc “dựng hiến” ở vùng đất được xem là năng động nhất của cả nước hiện nay.

2. BIỆN PHÁP THƯỜNG PHẠT QUAN LẠI Ở NAM BỘ

2.1. Chế độ khảo hạch của nhà Nguyễn

Khen thưởng và xử phạt là công cụ rất quan trọng của người cầm quyền để khuyến khích, động viên người giỏi, người tốt; răn đe, ngăn ngừa kẻ xấu. Năm 1802, sau khi thiết lập vương triều, cùng với những chính sách chung về lương và bổng lộc nhà Nguyễn đã ban hành các chính sách và các biện pháp thường phạt nghiêm khắc, công minh đối với đội ngũ quan lại trong bộ máy nhà nước.

Về phép xét công đề nghị thưởng phạt, nhà Nguyễn đặt ra “*chế độ khảo hạch*” quan lại theo định kỳ của nhà nước. Tùy vào từng công việc mà nhà nước quy định kỳ hạn khảo hạch. Theo đó, cứ 3 năm đến kỳ xét công, 3 bộ Hộ, Binh, Hình đều đem sổ sách các việc thu thuế, bắt lính và xử án đưa cả sang bộ Lại xét bàn chung rồi chia thành từng hạng, bàn định thưởng phạt theo thứ tự để tâu lên vua (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 974). “Phàm xét thành tích các quan cứ 3 năm làm một khóa (lấy năm thìn, tuất, sửu, mùi làm hạn), cứ đến những năm ấy, văn, võ trưởng quan ở trong Kinh, quan ở tỉnh ngoài, đều chiếu sự trạng công lao, làm lỗi trong chức sự 3 năm, làm một bản tự trình gửi về Bộ Lại kiểm tra giải quyết” (Nội các triều Nguyễn, 2005, tập 5: 399).

Đối với các quan sắp mãn hạn lương bổng như “các đốc, phủ, bố, án ở địa phương cứ đến kỳ xét công, đều căn cứ vào công trạng trong 3 năm, làm

thành 1 bản tự trình bày. Còn ở Kinh các quan chưởng ấn các nha môn bộ, viện, các quan Chưởng lãnh các quân doanh ở các tỉnh, các Lãnh binh quan, viên nào ăn lương chức hiện tại, đã đủ 3 năm, thì không câu nệ vào kỳ xét công, cứ đến năm mãn lương bổng đều căn cứ vào công trạng trong 3 năm, làm một bản tự khai. Đến như các quan chức văn võ thuộc viên ở trong Kinh và ngoài các tỉnh, văn từ Tứ phẩm trở xuống, võ từ Tam phẩm trở xuống, không câu nệ vào kỳ xét công, gián hoặc có người được ăn lương đủ 3 năm rồi thì đều do quan trên cai quản viên ấy sát hạch: ai là người mẫn cán, ai là người tầm thường đều đem sự trạng lý lịch với lời ghi việc sát hạch, đệ đến hai bộ Lại, Binh duyệt lại, để theo y lệnh trên chia thành từng hạng làm sổ sách tâu lên đợi chỉ định đoạt”. Vua dụ rằng: “Cứ như nghị định, trích ra 3 việc thu thuế, bắt lính, xử án gộp làm một khóa 3 năm đồn lại mà tính, lại xét từng nơi nhậm chức công việc nặng nhẹ, châm chước chia thành từng hạng, trong đó nên rõ cái phép chiết trừ thưởng phạt và cái lệ quan viên mãn hạn lương bổng thực đã chu đáo thỏa đáng có thể thi hành được” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 974).

Ngoài những quy định khảo hạch theo định kỳ như trên, nhằm đảm bảo tính khách quan, nhà Nguyễn còn có những đợt khảo hạch không theo định kỳ hoặc thực hiện những đợt thanh tra đột xuất gọi là *chế độ kinh lược đại sứ* để giám sát các địa phương có biến cố như chiến tranh, mất mùa đói

kém... Đồng thời, thời gian từng đợt tiến hành thanh tra khảo hạch giữa các địa phương cũng quy định khác nhau “Gia Long năm thứ 15 (1816) định lệ hạn ngày thanh tra các thành, doanh, trấn Quảng Đức thì hạn 1 tháng, Quảng Trị hạn 1 tháng 15 ngày. Quảng Nam, Quảng Ngãi hạn 2 tháng, Phú Yên 2 tháng 15 ngày. Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình, Bình Sơn, Kinh Bắc, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Quảng Yên, Lạng Sơn, Cao Bằng thuộc Bắc Thành hạn 3 tháng. Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên thuộc Gia Định Thành hạn 5 tháng” (Nội các triều Nguyễn, 2005, tập 5: 98).

Việc đưa ra kỳ hạn cố định để khảo hạch xét công, tội của quan lại từ trung ương đến địa phương, cùng với đó là những đợt thanh tra đột xuất khi cần thiết, đã giúp triều đình kiểm tra được việc thực thi công vụ của đội ngũ quan lại, buộc quan lại phải cẩn trọng trong công việc, giữ gìn đạo đức và không ngừng nâng cao năng lực để được thăng thưởng. Đồng thời việc trừng phạt kịp thời những quan lại tham lam, cũng làm giảm bớt thói những nhiễu trong bộ máy cai trị, đặc biệt ở các địa phương.

2.2. Biện pháp khen thưởng quan lại ở Nam Bộ

Nam Bộ là vùng đất gắn bó với sự nghiệp trung hưng của nhà Nguyễn, do đó vua Gia Long, sau đó là Minh Mạng luôn có sự quan tâm, ưu ái đến vùng đất này. Vua Minh Mạng từng viết: Nam Bộ “là nơi đầy nghiệp

vương, nhân dân vốn có tiếng là trung nghĩa. Đức thế tổ Cao Hoàng Đế ta từ khi gây dựng cơ đồ, đến khi có cả nước Đại Việt, hợp nhất bức dư đồ, đều là nhờ ở lòng dân Gia Định. Sau khi đại định, vỗ về gìn giữ cho dân yên ổn hàng hơn 30 năm, trông nhờ đức hóa của triều đình kể đã sâu và dày,...” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2007, tập 3: 601-602). Với cách nhìn nhận Nam Bộ như vậy, Gia Long và Minh Mạng đối xử rất trọng hậu đối với các quan có công trạng đối với vùng đất Nam Bộ, kể cả khi họ đã qua đời.

Sau khi lên ngôi (1802), Gia Long đã xuống chiếu ban thưởng cho các tướng sĩ có công trong việc giúp vua khôi phục vương triều: “Bàn công để thưởng, đó là phép thưởng của nước. Bọn các người ra trận đánh giặc, công lao khó nhọc ta đã thấy rõ. Nay là buổi đầu lấy lại kinh thành, trước hết hãy thưởng cho bọn người 1.000 lạng vàng, 10.000 lạng bạc, 30.000 quan tiền để khuyến khích. Còn người có công trạng đợi sau sẽ thưởng”. Sau đó, Gia Long lệnh cho các dinh quân đem danh sách dâng lên, thăng thu cho các thống chế, thống đồn, chương cơ, cai cơ, cai đội, phó đội, đội trưởng, tham quân, tham luận, cai án, thư ký, tri bạ, cai hợp, tùy theo thứ bậc khác nhau mà khen thưởng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 1: 492). Đối với các biên binh theo Gia Long chinh chiến trước đó, nay cho về quê nghỉ, tùy theo các hạng cũng được ban thưởng. Vua bảo bầy tôi: “Biên binh

Gia Định theo ta chinh chiến, bao năm khó nhọc, nay về quê nghỉ, trong đó hoặc có người không có điền sản thì lấy gì chi dùng cho đủ. Nay sai lưu trấn thần phát tiền kho 30.000 quan và 30.000 phương gạo để chia cấp cho: chánh vệ, chánh chi mỗi người 7 quan tiền và 7 phương gạo; phó vệ, phó chi, cai cơ mỗi người 6 quan tiền, 6 phương gạo; trưởng hiệu, cai đội, mỗi người 5 quan tiền và 5 phương gạo; phó đội, tham luận, tri bạ, mỗi người 4 quan tiền và 4 phương gạo; đội trưởng, cai án, cai hợp, thủ hợp và quân nhân mỗi người 3 quan tiền và 3 phương gạo (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 1: 566-567). Riêng các tướng sĩ bị bệnh về nghỉ trong hạt, Gia Long sai quan sở tại thường đến thăm hỏi, hàng năm ghi danh sách tâu lên để vua xem xét ban thưởng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 1: 633).

Thời kỳ này ở Nam Bộ, nạn ngoại xâm và những bất ổn về chính trị liên tục diễn ra, nên triều đình thi hành biện pháp khen thưởng rộng rãi đối với các võ tướng cùng quân sĩ bảo vệ lãnh thổ phía Nam. Năm 1833, Lê Văn Khôi khởi loạn đánh chiếm thành Phiên An. Trước tình cảnh các tướng sĩ ở Gia Định phải giải quyết cuộc nổi loạn trong điều kiện thời tiết nóng bức, Minh Mạng sai may áo mát bằng sa, hàng trù hoặc vải tây cấp cho từ tướng quân, tham tán trở xuống đến suất đội có từng bậc khác nhau... Đồng thời, vua trao thưởng cao cho các công trạng: không cứ là quan hay dân chúng, hễ ai bắt hoặc chém được

tên thứ yếu phạm là Nguyễn Văn Bội thì thưởng 500 lạng bạc, bắt hoặc chém được đầu mục giặc thưởng 100 lạng xuống đến 10 lạng bạc tùy bậc khác nhau (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 606). Đối với Lê Văn Khôi, ai bắt hoặc chém được sẽ được thưởng 1.000 lạng bạc, bắt được bè đảng giặc cũng được trọng thưởng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 589).

Sau khi dẹp xong cuộc binh biến của Lê Văn Khôi, Minh Mạng ban thưởng cho tướng quân Bùi Văn Đạo một chiếc nhẫn vàng mặt pha lê của Tây Dương và một đồng tiền vàng Phi Long hạng nhỏ; thưởng cho Lâm Uy gia hàm vệ úy và một chiếc nhẫn vàng mặt pha lê của Tây Dương; thăng chức cho Cầm Nhân Cầm làm cai đội, Nguyễn Văn Phụng làm chánh đội trưởng, Hoàng Đình Khản - thổ lại mục chân Thủy Vĩ được thưởng làm chánh đội trưởng. Ngoài ra, còn ban thưởng cho mỗi người một áo trận bằng nhung tuyết và một quần nhiều. Hà Văn Cao - nguyên giữ đồn Lô Khê và Nguyễn Bảo Tuân - thổ hào châu Văn Bàn, mỗi người đều được thưởng một áo đoạn đầu tám. Các suất đội đều thưởng mỗi người ba đồng ngân tiền Phi Long hạng lớn, các biên binh và thổ động được thưởng chung 1.000 quan tiền. Người bắt sống được một tên đầu mục giặc được thưởng 25 quan tiền. Ai bắt sống hoặc chém đầu được cứ mỗi tên giặc thì thưởng tiền 10 quan... (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1966, tập 15: 199).

Năm 1833, nhân lúc Lê Văn Khôi khởi binh đánh chiếm thành Phiên An, quân Xiêm đánh chiếm Chân Lạp rồi thừa cơ đánh sang nhiều tỉnh Nam Bộ, Minh Mạng sai Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân đi tiểu phạt. Để khuyến khích tinh thần của các tướng sĩ ở ngoài mặt trận lâu ngày, hay những người lập được chiến công tiêu diệt quân Xiêm, Minh Mạng đều đặc cách gia ân cho những quan quân, từ tướng tham quân và tham tán trở xuống, bất cứ đóng ở trấn sở Gia Định hay phân phong ở hạt, đều thưởng cho tiền và các thứ bậc khác nhau⁽¹⁾. Các tướng quân như Nguyễn Xuân, Phạm Hữu Tâm, mỗi người được thưởng một nhẫn vàng mặt kim cương to bằng hột đỗ, một thẻ bài đeo ngọc trắng có hai chữ phúc thọ vì có công đẩy lùi quân Xiêm. Các quan tham tán Hồ Văn Khuê, Trần Văn Trí, Nguyễn Công Hoán mỗi người được thưởng một nhẫn vàng mặt kim cương hạng vừa, một thẻ bài đeo bằng ngọc trắng chạm khắc cỏ hoa có dây thao đeo san hô rủ xuống. Các lãnh binh Mai Công Ngôn, Lê Sách, Trần Hữu Thắng đều được thưởng mỗi người một nhẫn vàng mặt kim cương hạng nhỏ, một thẻ bài đeo bằng ngọc trắng, chạm trổ cỏ hoa có dây thao đeo san hô rủ xuống. Riêng Tổng đốc Nguyễn Văn Trọng, trước vì đánh giặc bị thương đã được về quê để điều dưỡng; nhưng sau khi bệnh gần khỏi lại hiệp đồng cùng các tướng lĩnh giành thắng lợi, vì vậy cũng được thưởng như các tướng quân khác (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1966, tập 17: 48-49).

Ngay cả các quan quân trước từng bị giáng 1 cấp, nay đều khôi phục lại 1 cấp, chẳng hạn tướng quân Nguyễn Văn Trọng, tham tán Hồ Văn Khuê và Trần Văn Trí (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1966, tập 16: 6). Nguyễn Xuân - Đô thống lĩnh Tổng đốc Long Tường được thăng Tiền quân Đô thống phủ chương phủ sự, gia hàm Thái tử Thái bảo. Vua dụ rằng “năm trước, Nguyễn Xuân phá được giặc Xiêm. Trận thắng ở Thuận Cảng, Phủ Lật, công Xuân ngang với Trương Minh Giảng... nay chuẩn thăng thực chức nói trên để tỏ rõ yêu mến, đền đáp công lao” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1966, tập 16: 24). Đồng thời, vua Minh Mạng cũng tấn phong Hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc An-Hà, tước Bình Thành tử Trương Minh Giảng lên tước Bình Thành bá, lại thăng Thự Đông các đại học sĩ gia hàm Thái tử Thái bảo, vẫn lãnh ấn Tổng đốc An-Hà, bảo hộ nước Chân Lạp, nhà vua nói: “Trương Minh Giảng trước đã trao cho chức tham tán đại thần, đánh nghịch tặc Phiên An, một trận Biên Long, trước lập công đầu. Kịp khi có giặc Xiêm, Giảng đem một bộ phận quân tiến đánh, lại phá được giặc ở Thuận Cảng, đủ lập chiến công thứ nhất, rồi lại tiến quân đi tuần tiểu suốt bờ cõi nước Chân Lạp, trận thắng Phủ Lật làm nhứt hết nhuệ khí ngông cuồng của giặc. Sau đó lưu lại Nam Vang, xếp đặt mọi việc, lại điều khiển được trúng khớp, vỗ yên được bọn quan Phiên, dân Phiên làm cho nước Xiêm không dám nhằm thẳng

vào phiên thuộc ta, giữ được yên tĩnh. Công ấy thực lớn. Vậy ta tấn thăng tước, trật để biểu dương công lao đặc thù. Sai Tuần phủ An Giang Lê Đại Cương hiệp cùng Tổng đốc Trương Minh Giảng, kiêm lãnh ấn bảo vệ nước Chân Lạp. Bộ Tuần phủ Hà Tiên Trần Chấn làm tham tri bộ Binh, vẫn giữ chức Tuần phủ như cũ” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1966, tập 16: 24). Có thể nói, chính những quan tâm và ban thưởng kịp thời của triều đình đã khiến tướng sĩ ở Nam Bộ hết lòng với sự nghiệp bảo vệ lãnh thổ của nhà Nguyễn ở phương Nam.

Gia Long và Minh Mạng thường sâu sát trong việc thưởng phạt, cốt cảm cả hai đầu, giữ theo lẽ phải, cân nhắc cho thích đáng. Tuy nhiên, việc giáng phạt thường phụ thuộc vào người cai quản xem xét, hoặc do người ngoài hặc tâu. Trong khi với việc nên thưởng, thì các quan có trách nhiệm chỉ sợ cho là cầu ơn, không chịu tâu xin giúp cho, nên sở tên quan văn quan võ, người phải phạt thì nhiều mà người được thưởng thì ít, chưa được thật công bằng. Vì thế, các vua đề nghị các thượng quan phải thực trạng tâu lên để xem xét thưởng phạt.

Dưới thời Gia Long, Tổng trấn Lê Văn Duyệt rất được tin dùng. Sang thời Minh Mạng, dù vua có nhiều bất đồng, nhưng vẫn đánh giá cao tài năng cũng như công lao của ông. Năm 1823, Lê Văn Duyệt đã trực tiếp chỉ huy và điều động thêm dân binh người Cao Miên ở đồn Vĩnh Thanh, Định Tường, Hà Tiên và Uy Viễn cùng hợp sức đào

kênh Vĩnh Tế. Khi việc đào kênh sắp hoàn thành, giữa lúc mùa hạ, trời oi bức nên vua sai hoãn lại, cho binh dân về. “Thường cho Lê Văn Duyệt gia 1 cấp và đoạn măng đoạn hoa đều 1 tấm; Trương Tấn Bửu và bọn giám tu chuyên biện được thưởng kỷ lục và bạc lụa theo thứ bậc; thưởng vóc lụa cho quốc vương Chân Lạp; các quan Phiên đốc biện cũng được cho áo quần” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 280). Riêng Lê Văn Duyệt còn được tặng đai ngọc để tỏ rõ sự biệt đãi. Vua dụ: “Trẫm nghĩ khanh khi xưa theo vua đã có công lao, giữ hết lòng trung, cho nên Hoàng khảo ta dặn lại giúp trẫm. Trước nhân đất Gia Định ở giáp nước Phiên nên sai khanh làm Tổng trấn. Từ khi khanh giữ việc đến nay thì dẹp yên giặc Chân Lạp, tiếp đến tra xét đình lậu, thêm lên hơn vạn hộ khẩu. Nay lại tự mình đốc suất việc đào sông để thành cái chí noi theo việc trước của trẫm. Làm tôi siêng năng duy khanh là hơn cả, cho nên hậu thưởng. Từ trước đến nay các hoàng tử tước công chưa từng cho đeo đai ngọc. Nay nghĩ khanh công trước vốn đã rạng rỡ, lại được công mới, nên đặc cách ban cho. Khanh càng nên dốc lòng trung thành, cố gắng hơn nữa” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 280-281).

Lưu trấn Gia Định Nguyễn Văn Trương - người có công trong việc giúp nhà Nguyễn khôi phục nghiệp cũ, sau khi mất được vua Gia Long ban quan tài bằng gỗ giáng hương, cấp 1.000 quan tiền, cử các quan lo việc ma chay và

cấp phu trông coi mộ phần. Ngày an táng, vua đích thân ngự thuyền rồng đi tiễn, sau đó, được vinh danh trong danh sách công thần vọng các... Năm 1831 dưới thời Minh Mạng, Nguyễn Văn Trương được truy phong Tá vện công thần Đặc tiến tráng vũ đại tướng quân, Trung quân đồ thống phủ chưởng phủ sự, hàm Thái Bảo, đổi tên thụy là Chiêu Vũ, phong Đoan hùng quận công và được ban tự điền. Minh Mạng dụ: “Bọn Nguyễn Văn Trương đương lúc đức Hoàng khảo Thế tổ hoàng đế ta vất vả gây dựng, đều biết cảm tình gặp gỡ gió mây, đem hết sức khỏe trí khôn giúp nên mưu to, dựng thành nghiệp lớn, công thực vĩ đại. Sau khi đại định, mong ơn sang [sáng] suốt, xét rõ công lao, đã lễ mạo long trọng, lại tước vị tôn sùng, và truy phong cho ông cha, tập ấm cho con cháu, ơn điển thực đã rất hậu. Trẫm nghĩ có công lớn ấy, thì báo đáp phải lâu dài. Vậy cấp cho Nguyễn Văn Trương, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Hoàng Đức, Nguyễn Văn Nhân mỗi người 100 mẫu ruộng tự điền. Nguyễn Văn Khiêm 60 mẫu, ban cho các sắc thư để con cháu đời đời được thu tô mà cúng việc tế tự” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 386).

Tổng trấn Trương Tấn Bửu - người có công xây cất thành Châu Đốc, lãnh nhiệm vụ bảo hộ Chân Lạp, trông coi việc đào vét kinh Vĩnh Tế, khi mất được thờ phụng tại Trung Hưng Công Thần Miếu và Hiền Lương Từ, được ban cấp cho tự điền để lấy huê lợi cúng tế. Trấn thủ Biên Hòa là Lê Văn

Từ, sau khi mất, được vua ban một cây gắm Tổng và 150 quan tiền (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 389). Thượng thư Lễ bộ là Phạm Đăng Hưng, sau khi mất được ban tặng Hiệp biện đại học sĩ, cho thụy là Trung Nhã, cho 500 quan tiền, 3 cây gắm Tổng, 10 tấm lụa (năm Tự Đức thứ 2 truy tặng Đức quốc công) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 433). Thống quân đồn Uy Viễn là Nguyễn Văn Tồn mất, vua dụ bộ Lễ: “Nguyễn Văn Tồn tuy là ở ngoài giáo hóa, nhưng làm tôi thờ Tiên đế, đã nhiều năm vất vả, một lòng trung thành, rất đáng thưởng. Bèn sai quan dụ tế, cho hai cây gắm Tổng, 20 tấm vải, 200 quan tiền... Cho con là Nguyễn Văn Vi làm Cai đội thự Chánh quản cơ” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 41).

Không chỉ đối với các võ tướng, các văn quan có công cũng được Gia Long và Minh Mạng đối xử hết sức trọng hậu. Như trường hợp Hiệp biện đại học sĩ Trịnh Hoài Đức, do tuổi cao muốn xin nghỉ việc, nhưng được vua yêu quý giữ lại, sau đó ban thưởng cho 2.000 quan tiền và gỗ ván gạch ngói để làm nhà riêng ở Kinh. Sau khi chết, vua dụ: “Hoài Đức tính thuần cẩn, thành thực, khó nhọc đã lâu, buổi đầu trung hưng được tin dùng nhiều, phụng sứ sang Thanh, cầm cờ tiết giữ Gia Định, đều hay thu được thành tích, có tiếng thuần lương. Trẫm từ nối ngôi đến nay, biết là tận trung, cất lên chức cao, thường cùng bàn luận chính sự, được nhiều điều thi thố mở mang, đương mong hậu đãi lâu dài cho giữ

bền lộc vị, mùa đông năm ngoái bỗng mắc bệnh nặng, liền sai ngự y xem mạch điều trị. Hôm trước bệnh lại thêm nặng, liền sai thị vệ mang cho sâm quế thượng phương, thế mà thuốc thang chẳng kịp, nay vội bỏ đi, trẫm nghe nói không cầm được nước mắt”. Vua bèn truy tặng Thiếu Bảo Cần Chánh điện Đại học sĩ (trật Chánh nhất phẩm), thụy là Văn Khác. Còn cho gắm hồng gắm Tổng mỗi thứ 4 cây, nhiều đoạn mỗi thứ 4 tấm, sa trều 11 tấm, tiền 2.500 quan, gạo 500 phượng, dầu 3.000 cân, nghỉ chầu 3 ngày, sai quan làm tứ tế. Ngày đưa đám về quê, vua sai hoàng tử là Miên Hoành đến nhà riêng vâng mệnh cho rượu, lại phái 500 quân Thần sách đưa đến bến đò sông Hương; cấp cho 2 người mộ phu (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 402).

Các sự kiện trên cho thấy, tùy vào công trạng khác nhau, Gia Long và Minh Mạng luôn kịp thời có những hình thức ban thưởng nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm và lòng trung thành của quan lại ở phương Nam.

2.3. Biện pháp xử phạt quan lại ở Nam Bộ

Song song với việc khen thưởng rộng rãi, Gia Long và Minh Mạng cũng xử phạt rất nặng đối với những quan lại phạm tội. Đối với Minh Mạng, thì việc đối xử cân phân là quan trọng nhất: “ta từ khi lên ngôi đến nay, dùng người làm việc, giữ một mực công bằng, dầu có kẻ tôi con thân tín từ trước cũng chỉ dùng theo tài năng, chứ không tư vị một người nào. Kẻ nào có tội cũng

theo pháp luật mà trừng trị, chưa từng gượng nhẹ bao giờ, điều đó tưởng đã rõ ràng, tai mắt người ta đều nghe biết cả” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1966, tập 14: 337).

Gia Long và Minh Mệnh đã nhiều lần chỉ ra nạn quan lại tham nhũng là nguyên nhân dẫn đến sự bạo loạn của dân chúng: “Nhân tình ai không muốn yên, há lại vui thích làm trộm cướp hay sao? Nhân tình trạng bị áp bức, không nơi kêu ca tố cáo nên tụ tập làm trộm cướp. Trẫm xem bản án của Hình bộ tâu lên thấy có việc dân báo cáo trộm cướp mà chức giữ việc bắt bớ cho là hoang báo, thậm chí còn yêu sách của đút, sự tệ hại không thể nói xiết được. Dân mà không yên ổn làm ăn đến nỗi làm trộm cướp là lỗi tại viên chức vậy” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1972, tập 2: 65-66). Do đó, những hành vi như nhận tiền hối lộ, tham nhũng, sách nhiễu nhân dân, nhân việc công bắt dân đóng góp... của đội ngũ quan lại từ triều đình đến địa phương đều bị xử phạt rất nặng, theo nguyên tắc: “Sát nhất nhân, vạn nhân cụ” (giết một người để muôn người sợ mà tránh).

Nam Bộ vào thời kỳ này đã có nền thương nghiệp phát triển, việc buôn bán giao lưu với bên ngoài diễn ra tấp nập, có nhiều đô thị lớn và sầm uất. Làm quan ở một vùng đất vào loại giàu có bậc nhất của cả nước nên quan lại ở đây rất dễ bị cám dỗ. Thêm vào đó, lương bổng của triều đình ban cấp không đủ để nuôi sống gia đình khiến quan lại nơi đây khó giữ được

liêm chính. Thực tế cho thấy, dưới thời Gia Long và Minh Mạng, nạn quan liêu, tham nhũng, chiếm đoạt của công, những nhiễu nhân dân... của quan lại diễn ra khá phổ biến. Điều này là mối họa lớn có ảnh hưởng tới sự tồn vong của quốc gia. Nhận thức được điều đó, Gia Long và Minh Mạng đã ban hành những quy định nghiêm khắc, rõ ràng. Trong các bản án mà vua Gia Long và Minh Mạng xét xử được *Đại Nam thực lục* ghi lại thì số lượng quan lại ở Nam Bộ bị xử tội vì tham nhũng chiếm đáng kể, tiêu biểu có các vụ sau:

Dưới thời vua Gia Long, Lưu Phước Tường được cử làm bảo hộ Chân Lạp. Tuy nhiên, Phước Tường lại thường xuyên sách nhiễu dân chúng, bòn rút của cải của dân nên bị triệu hồi về Gia Định để xét xử. Xét thấy tội trạng khó dung tha, năm 1819, Gia Long ra lệnh xử tử Lưu Phước Tường, tịch thu hết tài sản để trả lại cho dân. Vua xuống dụ: “Ai ngờ bọn Phước Tường riêng bỏ phép công, không kể luật nước... không ngờ gian tham đến thế!... Bây giờ tiền dân có thể trả được, mà điều khổ dân khó cứu lại cho được. Nay bọn Phước Tường đã chịu tội chết chém, ta cũng đã sai quan tổng trấn tịch ký gia sản trả lại cho dân” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 1: 943).

Gia Long và Minh Mạng xử lý rất nghiêm khắc tội tham nhũng bất kể đó là người trong hoàng tộc. Năm 1820, Phó Tổng trấn Gia Định thành là Hoàng Công Lý tham lam, bóc lột của

cải, khiến nhân dân trong thành oán hận. Vụ việc được Tổng trấn Lê Văn Duyệt điều tra làm rõ, tâu lên triều đình xử tội chết. Vua Minh Mạng hết sức phẫn nộ: “Trẫm nuôi dân như con, thực không kể phí tổn. Nhưng bọn quan lại tham lam giảo quyết, ngấm ngầm chứa đầy túi riêng, mà kẻ quan quả cô độc lại không được thấm nhuần ơn thực. Gần đây Hoàng Công Lý làm Phó Tổng trấn Gia Định không bao lâu mà bóc lột của dân đến trên 3 vạn. Nếu các viên mục thú đều như y cả, thì dân ta còn nhờ cậy vô đâu. Trẫm dầu có lòng sẵn xót thương xót cũng không làm thế nào được” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 104-105). Sau đó, Minh Mạng sai đình thần hội bàn, án thành, Hoàng Công Lý bị xử tử, tịch thu gia sản đem trả lại cho binh dân. Vua xuống dụ: “Gia Định là nơi đất rộng dân nhiều. Hoàng khảo ta mưu tính, thành lập quân lũy, khôi phục dư đồ, cái nền móng xây dựng cơ nghiệp thực là ở đây. Từ trước đến nay vẫn thận trọng lựa chọn những trọng thần cao lao danh vọng sai trấn phủ cho muôn dân yên ổn. Không may có Hoàng Công Lý, lấy tư cách đề hèn, chứa chất thói tham bạo, vạy trái pháp luật, ăn lót kẻ đến muôn vàn, bắt người làm việc riêng mỗi lần đến hàng mấy nghìn, một nước hại dân đến thế là cùng. Nghĩ các người vô tội mà gặp nỗi độc hại này, dù của cải đền được nhưng nỗi khổ lâu ngày khó mà hồi được. Nay tội nhân như thế, pháp luật phải thi hành, để cho nhân dân uất ức một phương đều rõ cái ý trừ bạo an dân của triều đình”

(Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 134).

Năm 1832, Ký lục Định Tường là Trương Công Vĩ vì tham tòng bị cách chức. Vua sai thành thần Gia Định xét hỏi; án thành, bị tội giảo giam hậu (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 317). Trần Nhật Vĩnh được Tổng trấn Gia Định Lê Văn Duyệt tin dùng, cậy thế ăn của đút, thậm chí cướp vợ người, dỡ nhà, chiếm đoạt tài sản, mọi người khiếp sợ không dám tố giác. Khi Vĩnh đi Bắc Thành nhậm chức Tả Tham tri Hộ bộ lĩnh Hộ tào Bắc Thành, nhân dân nộp đơn khởi kiện. Lê Văn Duyệt thụ lý điều tra, dâng biểu xin giải Vĩnh về đối chất. Vua sai Lê Văn Duyệt đốc đồng các tào xét rõ rồi tâu lên, sau tuyên chỉ cách chức Vĩnh, bắt trói đem về Kinh đợi tội (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 744). Năm Minh Mạng thứ 14 (1833) Thị vệ Hoàng Văn Tường và Lê Quang Chúng, nhân đi công sai nhận hối lộ. Việc bị phát giác, vua bảo “đối với bọn thị vệ từ trước đến giờ, ta vẫn nhiều lần răn bảo, thế mà lũ Hoàng Văn Tường còn dám tham lam, mắt không trông thấy pháp luật, tùy tang vật chưa đến tay, nhưng bề cong pháp luật mà xoay xỏa mưu toan, thật rất đáng ghét. Vậy buộc phải trừng trị nghiêm ngặt để răn đe kẻ khác sau này”. Sau đó, Hoàng Văn Tường và Lê Quang Chúng đều bị xử tội giảo giam hậu, đợi đến mùa thu sẽ xử quyết (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 463). Năm Giáp Ngọ 1834, Tuần phủ tỉnh Hà Tiên là Trịnh Đường tham ô tới 1.000 quan tiền.

Minh Mạng biết chuyện, lập tức cách chức, giao viên tiếp biện là Trần Chấn xét rõ, tâu lên. Khi thành án, Trịnh Đường bị xử tội giảo quyết (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4: 102-103). Hay như Bạch Xuân Nguyên - phụ trách Ty bố chính ham mê cờ bạc, ăn tiền bừa bãi của nhân dân trong thành, khiến nhiều người oán ghét. Vua ra lệnh xử phạt để làm gương nhằm chấn chỉnh lại tình hình bất ổn tại thành Gia Định. Vua cho rằng: do bỏ dưng không được người tốt, lại không sáng suốt thấy từ ban đầu và không ngăn ngừa trước khi việc xảy ra, để bọn hèn kém, tham ô hoành hành khiến cho phong tục trong vùng không được như trước (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 648-649).

Nhằm giữ nghiêm kỷ cương, phép nước, ngăn tiếm quyền và lạm quyền, Gia Long và Minh Mạng đã vận dụng nguyên tắc “chức vụ và trách nhiệm nghiêm minh”, đặt ra các quy định cụ thể về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi đối với từng quan lại. Tháng 5/1836 Trương Minh Giảng và Trương Đăng Quế đi thanh tra, phát hiện việc lại viên Định Tường là Tống Hữu Tài nhân việc đưa ra quy thức đặc điền mới, giở trò sách nhiễu tiền của dân, liền bắt lại rồi xử trảm. Việc tâu lên, vua khen là biết giữ nghiêm phép nước. (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4: 934). Cũng trong năm 1836, Thủ ngự thủ sở Tái An thuộc Vĩnh Long là Lê Văn Nhậm ăn hối lộ để tha cho lái buôn gạo lậu người Thanh. Sự việc bị phát giác, Lê Văn Nhậm bị mất chức và bị giao cho bộ

Hình trị tội (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4: 935). Năm 1838, tuần phủ An Giang kiêm Tham tán Trấn tây là Dương Văn Phong bị tố nhận hối lộ 100 lạng bạc để tha cho thuyền buôn lậu. Vua hạ lệnh bắt Phong đối chất sau giao cho bộ Hình tra xét. Kết quả việc nhận hối lộ đều do vợ lẽ và gia nhân nhà Phong làm. Mặc dù không can dự nhưng thân làm quan to mà để người nhà phạm pháp vì thế bị xử cách lưu (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4: 334-225).

Tuy nhiên, đối với những quan lại có tội, phải bị giáng chức, cách chức, nhưng sau đó lập được công thì vẫn được phục chức và thăng chức. Trường hợp Trần thủ Phiên An Đào Quang Lý là một ví dụ. Năm 1820, Đào Quang Lý làm những điều trái phép, gây hại cho dân; nhưng vì từng là bề tôi cũ theo phò vua Gia Long nên ông được tha tội chết, chỉ phải giam cầm truy tang. Vua dụ: “Quang Lý là công thần Vọng Các cũ, không biết tự yêu thanh danh để mắc vào pháp luật, rất đáng thương tiếc”. Tháng 5/1826, Đào Quang Lý được ban làm Hiệu úy vệ Cẩm y và phát phối đi Gia Định làm việc khổ sai, sau ba năm thì được khôi phục lại chức (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 534). Hay trường hợp Nguyễn Đức Hội trước làm Hiệp trấn Hà Tiên, mắc tội bị cách chức. Sau có công nên được phục chức cho làm Tri bạ thành Gia Định... (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 105).

Những sự kiện trên cho thấy, vua Gia Long và Minh Mạng trừng trị rất nghiêm khắc tệ nạn tham nhũng của công, nhận hối lộ, sách nhiễu dân chúng. Xét trên bình diện của pháp luật, các biện pháp mà vua Gia Long và Minh Mạng áp dụng tỏ ra toàn diện và sâu sắc. Đối với những người phạm tội thuộc hàng quan lớn thì hai vua càng trừng trị nghiêm khắc, có khi nghiêm khắc hơn cả mức phạt mà pháp luật đặt ra, là để nhằm gìn giữ kỷ cương phép nước, đồng thời làm gương cho đội ngũ quan lại và vỗ yên dân chúng.

3. KẾT LUẬN

Nam Bộ là vùng đất mới so với các địa phương khác trên cả nước. Đồng thời, Nam Bộ cũng là vùng đất gắn bó với sự nghiệp trung hưng của triều Nguyễn. Sự trọng yếu về địa lý, quân sự và sự phát triển kinh tế năng động ở Nam Bộ đã đặt ra yêu cầu cao trong tuyển chọn và sử dụng quan lại nơi này. Đó phải là những người có tài thao lược, năng động, sáng tạo, hiểu biết nhiều mặt của đời sống để có thể thay vua giải quyết công việc.

Bằng hình thức tuyển chọn mang tính “pháp chế khoan dung giản dị”, nhà Nguyễn đã xây dựng được ở Nam Bộ một đội ngũ quan lại đa dạng về thành phần nhưng có thể đảm đương trọng trách quản lý đất phương Nam.

Để phát huy tinh thần trách nhiệm của hệ thống quan lại các cấp, Gia Long và Minh Mạng đã thực hiện nhiều chính sách đãi ngộ riêng và áp dụng linh hoạt các biện pháp thường phạt quan lại. Điều này giúp cho triều Nguyễn có được một đội ngũ quan lại tận tâm, giàu năng lực phục vụ cho triều đình, đảm bảo cho nền chính sự thông suốt từ 1802 đến năm 1840, đặt nền tảng cho các vị vua Nguyễn về sau trong việc quản lý đất phương Nam. Mặc dù còn có những hạn chế mang tính thời đại, các biện pháp thường phạt quan lại của hai vị vua đầu triều Nguyễn đã để lại những bài học có ý nghĩa sâu sắc trong việc quản lý vùng đất Nam Bộ với những truyền thống riêng. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Tướng quân đều 40 quan, tham tán đều 30 quan, chánh phó lãnh binh đều 20 quan, chánh phó vệ úy đều 10 quan, chánh phó quản cơ đều 8 quan, quyền sung chánh phó quản cơ, ngoại uý chánh phó quản cơ đều 5 quan, suất đội các vệ, văn giữ chức lục phẩm giúp việc ở quan thứ 3 quan, quyền sung suất đội và ngoại uý suất đội 2 quan, chánh đội trưởng, đội trưởng và văn chức thất phẩm đều 1 quan 2 tiền, văn chức bát, cửu phẩm và thư lại các vệ, các cơ, các đội cho binh lính, hương đồng và những người hiệu lực đều 1 quan.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Nội các triều Nguyễn. 2005. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1972. *Minh Mệnh chính yếu*, tập 2. Sài Gòn: Tủ sách Cổ Văn xuất bản.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1966. *Đại Nam thực lục*, tập 14, 15, 16, 17. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Đại Nam thực lục*, tập 1, 2, 3, 4. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.